| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-PT
Ngày 18-5-2020
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Trần Thị Vân Thúy

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thu Thủy;

Ông Lê Anh Sơn

***- Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2019/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 72/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Lan H; nơi cư trú: Số 9 đường Thanh N, tổ dân phố 3 (nay là tổ dân phố Ngọc Sơn), phường Ngọc X, quận Đồ S, thành phố Hải Phòng; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hồng Đ - Luật sư Công ty Luật TNHH Phú Đức thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Th; nơi cư trú: Số 9 đường Thanh Niên, tổ dân phố 3 (nay là tổ dân phố Ngọc Sơn), phường Ngọc X, quận Đồ S, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Duy A; nơi cư trú: Số 265 Nguyễn Hữu C, tổ dân phố 9, phường Ngọc X, quận Đồ S, thành phố Hải Phòng;

*Người đại diện hợp pháp của ông Phạm Duy Ánh:* Bà Nguyễn Thị L (vợ ông A; nơi cư trú: Số 265 Nguyễn Hữu C, tổ dân phố 9, phường Ngọc X, quận Đồ S, thành phố Hải Phòng - Là người đại diện theo văn bản ủy quyền của ông Phạm Duy A; bà L có mặt, ông A vắng mặt.

*Người kháng cáo:* Chị Hoàng Thị Lan H - là nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau*:

Chị Hoàng Thị Lan H và anh Nguyễn Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn ngày 22-4-2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm lối sống, không có tiếng nói chung, anh Th không tin tưởng chị về tình cảm, thường xuyên gây sự chửi bới và xỉ nhục chị làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, con cái. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị được ly hôn với anh Th. Anh Th đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh Th có 02 con chung là Nguyễn Thu Ph, sinh ngày 19-3-2003 và Nguyễn Hữu Th, sinh ngày 19-02-2011. Chị H có nguyện vọng nuôi cả hai con vì chị có đủ điều kiện về thời gian, kinh tế và nguyện vọng hai con chung đều muốn ở với chị; yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng. Trường hợp anh Th không đồng ý, chị đề nghị được nuôi con là Nguyễn Thu Ph, đồng ý để anh Th nuôi con Nguyễn Hữu Th và không yêu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Anh Th xác nhận vợ chồng có hai con chung như chị H đã nêu và đề nghị khi ly hôn, giao con là Nguyễn Hữu Th cho anh nuôi, mỗi bên cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung:

*Theo chị Hoàng Thị Lan H trình bày:* Vợ chồng chị có 03 tài sản chung sau đây:

- Thửa đất số 146, tờ bản đồ số 74, diện tích 212,2m$^2$ và tài sản trên đất tại địa chỉ số 120 Suối Rồng, tổ dân phố 5, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng (viết tắt là thửa đất số 146): Tài sản này do chị gái anh Th là bà Nguyễn Thị L mua của vợ chồng bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Đình Ng năm 2002, trước thời điểm chị và anh Th kết hôn. Sau đó bà Nguyễn Thị L chuyển cho anh Th đứng tên và hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên thửa đất khi bà Nguyễn Thị L mua có 01 nhà cấp 4, diện tích khoảng 40m$^2$. Vợ chồng chị ở trên thửa đất này từ khi kết hôn đến khi con gái chị được 09 tuổi thì cả nhà chuyển sang chỗ ở mới là nhà và thửa đất số 56. Do bà Nguyễn Thị L nhiều lần nói là sẽ

cho con gái chị thửa đất này nhưng không được lập thành văn bản, nên chị nghĩ đây là tài sản chung của chị và anh Thiềm. Giá trị tài sản này hiện nay khoảng 850.000.000 đồng.

- Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 01-NX, diện tích 100m$^2$, địa chỉ khu dân cư Đầm Ngọc, tổ dân phố 3, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng (viết tắt là thửa đất số 56): Do bà Nguyễn Thị L là người giao dịch và trực tiếp trả tiền mua vào năm 2010, nhưng khi làm hợp đồng chuyển nhượng đứng tên chị và anh Th. Khi mua, trên đất đã có ngôi nhà 2,5 tầng, diện tích khoảng 200m$^2$. Hiện gia đình chị đang sinh sống trên thửa đất này. Giá trị tài sản này hiện nay khoảng 1.700.000.000 đồng.

- Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01-NX, diện tích 100m$^2$, địa chỉ khu dân cư Đầm Ngọc, tổ dân phố 3, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng (viết tắt là thửa đất số 60): Tài sản này cũng do bà Nguyễn Thị L giao dịch, mua bán và trực tiếp trả tiền như thế nào chị không nắm được nhưng khi làm hợp đồng chuyển nhượng, bà L gọi vợ chồng chị ra ký và đứng tên trên hợp đồng chuyển nhượng, sau đó bà L làm thủ tục sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSD đất) đứng tên vợ chồng chị. Bà L nhận chuyển nhượng tài sản này năm 2013. Trên đất không có nhà hay tài sản gì. Giá trị tài sản này hiện nay khoảng 600.000.000 đồng.

Về tài sản là các thửa đất nêu trên, chị thống nhất với anh Th, bà Nguyễn Thị L về giá trị các tài sản và nguồn gốc các tài sản đều do bà Nguyễn Thị L trực tiếp giao dịch mua bán, trả tiền, thửa đất số 146 bà L mua trước khi chị kết hôn với anh Th; thửa đất số 56 và 60 chỉ khi giấy tờ bà L gọi chị và anh Th mới ra ký, nguồn tiền bà L mua chị không biết, ai làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất chị không biết; tuy nhiên, chị cho rằng trong khoảng thời gian từ năm 2003-2014, chị và anh Th làm thuê cho bà Nguyễn Thị L nhưng không được trả công hàng tháng nên bà L đã mua 03 tài sản trên cho vợ chồng anh chị như một hình thức trả công. Mặc dù anh Th là nhân viên nấu bếp và chị là nhân viên chạy bàn nhưng chị phải làm cả công việc vệ sinh, rửa bát….và một ngày chị làm việc đến 20 tiếng đồng hồ nên không thể tính lương như những nhân viên khác. Việc bà L và anh Th cho rằng không trả công nhưng đã lo mọi chi phí sinh hoạt cho gia đình chị là không đúng vì trong thời gian làm cho bà L chị vẫn chăn nuôi lợn nên vẫn có thu nhập để lo mọi chi phí sinh hoạt cho gia đình.

Tại đơn khởi kiện, chị H yêu cầu được nhận tài sản là thửa đất số 60; giao tài sản là nhà, đất tại thửa số 146 và nhà, đất tại thửa số 56 cho anh Th quản lý, sử dụng. Anh Th phải có nghĩa vụ thanh toán trả chị số tiền chênh lệch là 1.000.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị yêu cầu được nhận tài sản là thửa đất số 60 và nhà, đất tại thửa số 56; giao tài sản là nhà, đất tại thửa số 146 cho anh Th quản lý, sử dụng, chị thanh toán trả anh Th số tiền chênh lệch.

*Bị đơn là anh Nguyễn Văn Th trình bày:*

- Thửa đất số 146 và tài sản trên đất do vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Duy A mua của vợ chồng bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Đình Ng vào tháng 6-

2002 nhưng nhờ anh đứng tên hộ, trước thời điểm anh kết hôn với chị H. Đến tháng 12-2002, anh lập gia đình với chị H và được vợ chồng bà L, ông A cho ở nhờ tại thửa đất này. Việc chị H trình bày bà Nguyễn Thị L nhiều lần nói cho cháu Ph tài sản này, anh không được biết và cũng không có văn bản, giấy tờ gì về việc tặng cho này. Thửa đất này là tài sản của vợ chồng bà L và ông A, không liên quan đến vợ chồng anh. Việc vợ chồng anh đóng thuế đất hàng năm là đóng hộ cho vợ chồng bà L, ông A và anh đề nghị trả lại tài sản này cho vợ chồng bà L, ông A. Anh thống nhất giá trị tài sản này hiện nay khoảng 850.000.000 đồng.

- Thửa đất số 56 do vợ chồng bà L và ông A mua từ năm 2010 cho vợ chồng anh. Nhà và đất này vợ chồng bà L và ông A đã công bố và làm thủ tục sang tên cho vợ chồng anh. Sau khi vợ chồng anh về sống tại thửa đất này từ tháng 9-2010 thì đã trả lại nhà và đất mà anh chị đã ở nhờ tại thửa đất số 146 cho vợ chồng bà L, ông A. Việc trả nhà và đất này đã được thực hiện tại cuộc họp gia đình tại nhà vợ chồng bà L, ông A nhưng không được lập thành văn bản. Anh thống nhất giá trị tài sản này hiện nay khoảng 1.700.000.000 đồng và đề nghị giao tài sản này cho chị H quản lý, sử dụng và chị H có nghĩa vụ thanh toán trả cho anh số tiền chênh lệch là ½ giá trị tài sản.

- Thửa đất số 60 do bà Nguyễn Thị L mua từ tháng 10-2013 của vợ chồng ông Lê Viết H và bà Lê Thị V. Tài sản này là của riêng bà Nguyễn Thị L không liên quan đến vợ chồng anh. Bà Nguyễn Thị L là người đứng ra giao dịch, mua bán và trực tiếp trả tiền nhưng đã nhờ vợ chồng anh đứng tên hộ. Lý do nhờ vợ chồng anh đứng tên là bà Nguyễn Thị L chỉ đẻ được một cô con gái là Phạm Bích Ng, lo sợ sau này có chuyện gì về tình cảm giữa bà và ông A thì sẽ có tài sản để lại cho con gái. Anh thống nhất giá trị tài sản này hiện nay khoảng 600.000.000 đồng.

Việc chị H trình bày trong khoảng thời gian từ năm 2003 đến cuối năm 2014 vợ chồng anh làm thuê (phục vụ nhà hàng) cho bà Nguyễn Thị L nhưng không được trả tiền công hàng tháng là không đúng. Lý do, không trả tiền công cho vợ chồng anh là bà Nguyễn Thị L đã lo chi phí sinh hoạt cho cả nhà anh gồm tiền ăn, tiền học, mọi chi phí sinh hoạt cho vợ chồng anh và hai con. Vợ chồng anh không phải lo hay chi phí bất cứ khoản tiền sinh hoạt gì cho gia đình trong giai đoạn làm thuê cho bà Nguyễn Thị L, ngoài ra vợ chồng anh còn được vợ chồng bà L, ông A mua cho tài sản là thửa đất số 56 với giá hơn 1.400.000.000 đồng.

Thực tế, anh và chị H chỉ là người ký tên vào hợp đồng mua bán để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đứng tên hộ nên tài sản là nhà, đất tại thửa số 146 và thửa đất số 60, không phải là tài sản chung giữa anh và chị H đề nghị trả lại cho vợ chồng bà L và ông A. Việc chị H trình bày ngoài làm thuê cho bà L, anh chị còn chăn nuôi thêm là đúng nhưng chỉ là mua một hai con lợn rồi nhờ bố chị H nuôi hộ chứ anh chị không trực tiếp nuôi vì không có thời gian. Chi phí sinh hoạt gồm tiền ăn, tiền điện, nước, tiền học cho các con … của một gia đình 04 người bình thường ở Đồ Sơn hiện nay mỗi tháng phải hết trên dưới 10.000.000 đồng. Với thu nhập từ công việc nấu bếp của anh và nhân viên chạy bàn của chị H thì chỉ đủ nuôi hai con ăn học và chi phí sinh hoạt cho gia đình chứ không thể mua được đất, nhà.

Do vậy anh không đồng ý với yêu cầu của chị H về chia tài sản chung. Anh đề nghị trả lại tài sản là thửa đất số 146 và thửa đất số 60 cho vợ chồng bà L và ông A vì hai tài sản này không phải của anh chị. Anh đề nghị Tòa án giao đất, nhà tại thửa số 56 cho chị H quản lý, sử dụng và chị H có nghĩa vụ thanh toán trả cho anh số tiền chênh lệch là ½ giá trị tài sản.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Duy A trình bày:*

- Thửa đất số 146 do vợ chồng bà mua trực tiếp của vợ chồng bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Đình Ng vào tháng 6-2002, trên đất có 01 nhà cấp 4 diện tích khoảng 40m$^2$. Khi mua tài sản này, bà là người trực tiếp giao dịch, mua bán và trả tiền cho vợ chồng bà L, ông Ng. Sau khi mua, vợ chồng bà nhờ em trai bà là anh Th đứng tên hộ. Đến tháng 12-2002, anh Th lập gia đình với chị H và vợ chồng bà cho vợ chồng anh Th ở nhờ căn nhà trên. Tài sản này vợ chồng bà mua trước khi anh Th, chị H kết hôn và hiện tại anh Th đứng tên trên hồ sơ đất ở phường. Bà thống nhất giá trị tài sản này hiện nay khoảng 850.000.000 đồng.

- Thửa đất số 56 do vợ chồng bà mua năm 2010, nhưng ông bà đã tuyên bố cho vợ chồng anh Th, chị H, đến nay bà vẫn giữ quan điểm là chỉ cho vợ chồng chị H, anh Th thửa đất số 56 nên là tài sản chung của vợ chồng anh Th, chị H, nếu anh chị ly hôn thì giải quyết chia tài sản này. Sau khi anh Th, chị H về căn nhà này sinh sống thì đã trả lại nhà, đất tại thửa số 146 cho vợ chồng bà. Bà thống nhất giá trị tài sản này hiện nay khoảng 1.700.000.000 đồng.

- Thửa đất số 60 là tài sản của cá nhân bà (chồng bà là ông A không biết) mua tháng 10-2013 của của vợ chồng ông Lê Viết H và bà Lê Thị V. Bà là người trực giao dịch mua bán và trả tiền cho ông H, bà V. Khi mua, bà đã nhờ vợ chồng anh Th và chị H đứng tên hộ. Lý do là bà tin tưởng em trai là anh Th, em dâu là chị H và sau khi con gái bà là cháu Ngọc đủ 18 tuổi sẽ yêu cầu anh chị chuyển tài sản này sang tên cháu Ng. Bà thống nhất giá trị tài sản này hiện nay khoảng 600.000.000 đồng.

Bà L không đồng ý với yêu cầu của chị H về chia tài sản chung khi ly hôn đối với thửa đất số 146 và 60 nêu trên vì đây là tài sản của vợ chồng bà, chỉ cho vợ chồng chị H, anh Th nhà và thửa đất số 56, không cho thửa đất số 146 và 60, hai tài sản này không phải của vợ chồng anh Th, chị H nên yêu cầu trả lại cho vợ chồng bà.

*Người làm chứng bà Vũ Thị Liên khẳng định*: Bà Nguyễn Thị L là người trực tiếp giao dịch, trả tiền cho bà để mua thửa đất số 146 và nhờ anh Th đứng tên hộ trước thời điểm anh Th và chị H kết hôn. Anh Trần Quang Q khai từ năm 2016-2017 và anh Nguyễn Văn T khai từ tháng 4/2018 đến 10/2018 có làm thuê cho bà Nguyễn Thị L với công việc là bếp chính mùa hè lương 10.000.000 đồng/tháng và mùa đông 8.000.000 đồng/tháng; ngoài ra anh Q khai có thời gian làm thuê nấu bếp cho chị H khoảng 04 tháng năm 2019 được trả lương 8.000.000 đồng/tháng. Anh khai Vũ Văn Th khai làm công việc chạy bàn cho bà Nguyễn Thị L từ năm 2014 lương 4.000.000 đồng/tháng, năm 2015 lương 5.000.000 đồng/tháng. Anh Q,

anh T và anh Th đều khẳng định mức lương bà Nguyễn Thị L, chị H trả cho các anh là phù hợp với công việc chuyên môn và phù hợp với mức lương mà các nhà hàng lớn trên địa bàn quận Đồ Sơn trả cho nhân viên.

Với nội dung nêu trên Bản án sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng đã quyết định như sau:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 59, Điều 60, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 207, Điều 213, Điều 219 và Điều 220 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, điểm a, b khoản 5, điểm a, b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Lan H và anh Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Thu Ph, sinh ngày 19-3-2003 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Hữu Th, sinh ngày 19-02-2011 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2. Anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con Ph 1.500.000 đồng/tháng; chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con Th 1.500.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 02 năm 2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

3.1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị Hoàng Thị Lan H về việc chia tài sản chung là thửa đất số 146, tờ bản đồ số 74, địa chỉ tổ Ngọc S (tổ 3 cũ), phường Ngọc X, quận Đồ S, thành phố Hải Phòng và thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01-NX, địa chỉ tổ dân phố Ngọc S (tổ 5 cũ), phường Ngọc X, quận Đồ S, thành phố Hải Phòng.

Buộc anh Nguyễn Văn Th và chị Hoàng Thị Lan H phải có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Duy A:

- Thửa đất số 146, tờ bản đồ số 74, diện tích đất 212,2m$^2$ và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích khoảng 41m$^2$ và các công trình phụ trợ tại tổ Ngọc S

(tổ 3 cũ), phường Ngọc X, quận Đồ S, thành phố Hải Phòng (Hiện trạng trích đo địa chính thửa đất của Ủy ban nhân dân phường Ngọc X, quận Đồ S ngày 06-12-2019, có vị trí: Phía Nam giáp đường Suối Rồng; phía Tây giáp đất của bà Nguyễn Thị B; phía Đông giáp đất ông Nguyễn Đình Tr; phía Bắc giáp đất vườn).

- Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01-NX, diện tích đất 100m$^2$ tại tổ dân phố Ngọc S (tổ 3 cũ), phường Ngọc X, quận Đồ S, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 589494, số vào sổ cấp GCN: CH00530 do Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn cấp ngày 15-12-2013 mang tên ông Nguyễn Văn Th và bà Hoàng Thị Lan H.

3.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Hoàng Thị Lan H về việc chia tài sản chung là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 01-NX và các tài sản trên đất:

- Giao cho chị H được quyền sở hữu, sử dụng thửa số 56, tờ bản đồ số 01-NX, diện tích đất 100m$^2$ và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 2,5 tầng, diện tích sử dụng khoảng 200m$^2$ và các công trình phụ trợ, tại tổ dân phố Ngọc Sơn (tổ 5 cũ), phường Ngọc X, quận Đồ S, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 319347, số vào sổ cấp GCN: CH00067 do Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn cấp ngày 12-8-2010 mang tên ông Nguyễn Văn Th và bà Hoàng Thị Lan H.

- Buộc chị H phải có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản cho anh Nguyễn Văn Th là 850.000.000 (*Tám trăm năm mươi triệu*) đồng.

4. Về án phí:

4.1. Chị Hoàng Thị Lan H phải chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm; 300.000 đồng tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; án phí phần tài sản có giá trị (1.700.000.000 đồng : 2 ) = 850.000.000 đồng chị H được chia là {36.000.000 đồng + (50.000.000 đồng x 3%)} = 37.500.000 đồng; án phí phần tài sản chị H yêu cầu chia không được chấp nhận là 300.000 đồng.

Chị H đã nộp số tiền tạm ứng án phí 29.625.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007058 ngày 03-9-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Chị H còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.625.000 (*Tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng.

4.2. Anh Nguyễn Văn Th phải chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm; 300.000 đồng tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và án phí phần tài sản có giá trị (1.700.000.000 đồng : 2 ) = 850.000.000 đồng anh Th được chia là {36.000.000 đồng + (50.000.000 đồng x 3%)} = 37.500.000 đồng; tổng cộng là 37.950.000 (*Ba mươi bảy triệu chín trăm năm nghìn*) đồng.

Bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả; quyền thỏa thuận, yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn chị Hoàng Thị Lan H kháng cáo những nội dung sau:

- Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Thu Ph và Nguyễn Hữu Th cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Th có nghĩa vụ phải cấp dưỡng cho hai cháu 3.000.000 đồng/tháng.

- Yêu cầu hủy một phần bản án sơ thẩm đối với 02 thửa đất số 146 tờ bản đồ số 79-NX và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 01-NX mà tòa án cho đó là tài sản của bà L và công nhận 02 thửa đất này là tài sản chung của chị H và anh Th theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng anh chị và chia tài sản chung này theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

* Chị Hoàng Thị Lan H trình bày: Chị đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giao cả hai con chung cho chị nuôi dưỡng với lý do để hai cháu được ở bên cạnh nhau, mặt khác chị có đủ điều kiện bảo đảm cuộc sống và chăm sóc cho cháu Thành tốt hơn do anh Th bận công việc nên việc chăm sóc con không được đảm bảo. Chị Hoàng Thị Lan H yêu cầu anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con là 3.000.000 đồng/tháng. Đề nghị công nhận thửa đất số 146 tờ bản đồ số 79-NX tại số nhà 120, tổ dân phố 5, phường Ngọc X, quận Đồ S, thành phố Hải Phòng và số 60 tờ bản đồ số 01-NX tại khu dân cư Đầm Ng, tổ dân phố 3, phường Ngọc X, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng này là tài sản chung của chị H và anh Th theo Giấy CNQSDĐ đã cấp cho vợ chồng anh chị chia tài sản chung là cho anh Th sử dụng, chia cho chị sử dụng nhà và thửa đất số 56, tờ bản đồ số 01-NX, tại tổ dân phố Ngọc S (tổ 5 cũ), phường Ngọc X, quận Đồ S, thành phố Hải Phòng, không bên nào phải thanh toán chênh lệch cho nhau.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, giao cả hai con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng vì các cháu đều có đơn đề nghị được ở với mẹ. Về tài sản chung: Anh Th và chị H đều là người làm thuê cho bà L, có thu nhập, nguồn thu nhập để mua tài sản được xác định từ việc kinh doanh, quản lý khách sạn, nhà ăn ở Đồ Sơn nơi bà L thầu khoán, công sức của bà L là rất lớn. Sau khi mua các tài sản, bà L cho chị H, anh Th đứng tên và cho đến trước khi anh chị ly hôn thì bà L không hề có bất cứ yêu cầu trả lại tài sản đối với thửa đất số 146 và 60. Tại cấp sơ thẩm, chị H yêu cầu chia tài sản, anh Th không có yêu cầu phản tố, bà L không làm thủ tục yêu cầu độc lập nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Th và chị H trả lại tài sản cho bà L là vi phạm tố tụng và không có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm và cần tuyên các tài sản nêu trên là tài sản chung của vợ chồng để chia theo quy định của pháp luật, chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không nhận hai thửa đất số 146 và 60 mà giao cho anh Th quản lý sử dụng hai thửa đất này và giao cho chị H sử dụng nhà trên thửa đất 56, không bên nào phải thanh toán chênh lệch cho bên nào.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Kháng cáo của chị H trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về việc nuôi con chung: Cấp sơ thẩm giao mỗi người nuôi một con chung là có cơ sở, bởi lẽ việc giao con cho người nuôi dưỡng, bên cạnh việc xem xét nguyện vọng của con cần xem xét các tài liệu chứng cứ khác và bảo đảm quyền và nghĩa vụ của cha mẹ ngang nhau. Trong vụ án, cả hai bên đều có điều kiện để chăm sóc và nuôi dạy con chung, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, giao cho chị H nuôi con lớn là cháu Nguyễn Thu Ph, sinh ngày 19-3-2003; giao cháu Nguyễn Hữu Th, sinh ngày 19-02-2011 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật;

Về tài sản chung: Tại phiên tòa, chị H thay đổi nội dung kháng cáo, không đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm đối với 02 thửa đất số 146 tờ bản đồ số 79-NX và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 01-NX mà tòa án cho đó là tài sản của bà L mà đề nghị công nhận 02 thửa đất này là tài sản chung của chị H và anh Th theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng anh chị và chia tài sản chung là 02 thửa đất này cho anh Th quản lý sử dụng và chị được sử dụng nhà và thửa đất số 56 nhưng không phải thanh toán chênh lệch cho anh Thiềm. Việc thay đổi nội dung kháng cáo không vượt quá phạm vi kháng cáo nên được xem xét giải quyết. Nhận thấy:

+ Đối với thửa đất số 146 tờ bản đồ số 79-NX, bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Th trình bày, tài sản trên là do vợ chồng bà L và ông Phạm Duy A mua của vợ chồng bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Đình Ng tháng 6/2002. Bà L là người trực tiếp đứng ra giao dịch, trả tiền mua tài sản và nhờ anh Th đứng tên hộ. Tháng 12/2002, anh Th lập gia đình với chị H và được vợ chồng bà L cho ở nhờ tại căn nhà trên đất, đến năm 2010 thì anh chị chuyển đến nơi ở mới. Hiện tài sản này vẫn đứng tên anh Thiềm, chưa chuyển dịch hoặc thay đổi. Chị H thừa nhận tài sản này là do vợ chồng bà L mua trước thời điểm anh chị kết hôn, nhưng sau đó có nói tặng cho anh Th vì anh Th làm thuê cho bà L không được trả công và bà L có nhiều lần nói cho con gái chị là cháu Phương tài sản này. Tuy nhiên việc tặng cho không được lập thành văn bản, không có căn cứ chứng minh. Bản thân anh Th cũng thừa nhận chỉ đứng tên hộ vợ chồng bà L, ông A, tài sản này không phải của anh. Như vậy, tài sản trên được xác định là tài sản của bà L và ông A, không phải là tài sản chung của chị H và anh Th trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, không có cơ sở để chia tài sản này theo quy định của pháp luật.

+ Đối với thửa đất số 60 tờ bản đồ số 01-NX, được các đương sự thừa nhận là do bà L mua của vợ chồng ông Lê Viết H và bà Lê Thị V vào tháng 10/2013. Ông H và bà V cũng thừa nhận bà L là người trực tiếp giao dịch và trả tiền mua tài

sản trên cho ông bà, ông H còn viết giấy mua bán đất ngày 29/10/2013 giữa vợ chồng ông với bà L. Chị H trình bày, vợ chồng chị làm thuê cho bà Nguyễn Thị L từ năm 2003 đến 2014 mà không được trả công hàng tháng nên bà L đã mua tài sản này cho cho vợ chồng chị như một hình thức trả công. Anh Th trình bày, lý do bà L không trả tiền công cho vợ chồng anh chị vì bà L đã lo mọi chi phí sinh hoạt cho cả 04 người trong gia đình anh bao gồm tiền ăn, tiền học và tiền thuốc men khi ốm. Ngoài ra, bà L đã mua cho vợ chồng anh thửa đất số 56 tờ bản đồ số 01-NX có giá trị hơn 1.400.000.000 đồng (chị H cũng thừa nhận về thửa đất số 56 là do bà L đã mua cho vợ chồng chị). Căn cứ vào các tài liệu xác minh đối chiếu với thu nhập của chị H, anh Th trong khoảng thời gian làm thuê cho bà L, sau khi trừ đi chi phí sinh hoạt, bản thân chị H cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện vợ chồng chị còn nguồn thu nhập nào khác để mua các tài sản trên. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định thửa đất số 60 tờ bản đồ số 01-NX là tài sản của bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Duy A mà không phải của anh Th và chị H. Do vậy, không có cơ sở để chia tài sản này theo quy định của pháp luật

Từ những phân tích trên cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Lan H về việc chia tài sản chung là thửa đất số 146, tờ bản đồ số 74, địa chỉ Tổ Ngọc Sơn, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn và thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01-XN, địa chỉ TDP Ngọc Sơn, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng là có căn cứ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng bà L, ông A không có yêu cầu độc lập nên Tòa án sơ thẩm tuyên trả tài sản cho bà L là vi phạm, yêu cầu Tòa án phúc thẩm có văn bản đối với Tòa án sơ thẩm. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét thụ lý yêu cầu độc lập là có thiếu sót, tuy nhiên kết quả xét xử đã xác định tài sản là của bà L, ông A và ông bà đều có yêu cầu được trả lại tài sản. Việc Tòa án sơ thẩm quyết định buộc trả lại tài sản trên cho bà L, ông A là cần thiết, nhằm giải quyết đầy đủ, triệt để vụ án. Việc thiếu sót không ảnh hưởng nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của đương sự nên chỉ cần rút kinh nghiệm chung với Tòa án sơ thẩm.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là chị Hoàng Thị Lan H về việc nuôi con chung, về chia tài sản chung khi ly hôn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm: về con chung: Giao con Nguyễn Thu Ph, sinh ngày 19-3-2003 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Hữu Th, sinh ngày 19-02-2011 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con Ph 1.500.000 đồng/tháng; chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con Th 1.500.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 02 năm 2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi ; về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị Hoàng Thị Lan H về việc chia tài sản chung là thửa đất số 146, tờ bản đồ số 74, địa chỉ tổ Ngọc Sơn (tổ 3 cũ), phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01-NX, địa chỉ tổ dân phố Ngọc Sơn (tổ 5 cũ), phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và thửa đất số 146, tờ bản đồ số 74, diện tích đất 212,2m$^2$; Buộc anh

Nguyễn Văn Th và chị Hoàng Thị Lan H phải có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Duy A hai thửa đất nêu trên.

Về án phí dân sự, mặc dù các đương sự không kháng cáo, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm nhận định công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự và quyết định mỗi người phải chịu 50% án phí ly hôn là không đúng. Do đó, cần thiết phải sửa lại theo hướng nguyên đơn là chị Hoàng Thị Lan H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh Th không phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm theo hướng trên. Do bản án sơ thẩm có sửa một phần về án phí nên chị Hoàng Thị Lan H không phải chịu án phí phúc thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

[2] Ngày 22 tháng 01 năm 2020, nguyên đơn chị Hoàng Thị Lan H kháng cáo Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng là trong thời hạn luật định. Chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của chị H là hợp pháp.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn

[3] Về việc nuôi con chung: Chị H kháng cáo yêu cầu nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi hai con là 3.000.000 đồng/ tháng. Anh Th đề nghị Tòa án giao con là Nguyễn Thu Phương, sinh ngày 19-3-2003 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Hữu Th, sinh ngày 19-02-2011 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Bản án sơ thẩm giao con là Nguyễn Thu Ph, sinh ngày 19-3-2003 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, các đương sự đều không có ý kiến về việc này nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Hữu T cả chị H và anh Th đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét, chị H và anh Th đều là người có công việc, có thu nhập và có đủ điều kiện về kinh tế, về tình cảm để nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, đảm bảo cho các cháu phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần. Bên cạnh đó trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều cung cấp đơn ghi nguyện vọng của cháu Nguyễn Hữu Th nhưng tại các đơn của cháu khi thì cháu đề nghị được ở với bố, khi thì đề nghị được ở với mẹ. Như

vậy, cần xác định việc giao các con chưa thành niên cho người cha hay người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng cần phải đảm bảo về quyền lợi chính đáng của các con vì việc nuôi và chăm sóc con vừa là quyền nhưng cũng vừa là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Để đảm bảo việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung của cả người cha và người mẹ cũng như điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của các bên cần giao cho chị H, anh Th mỗi người nuôi một con là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị H và đề nghị của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho chị H về việc giao nuôi hai cong chung và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về việc nuôi con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh Th đều yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định: Anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con Ph 1.500.000 đồng/tháng; giao con chung Nguyễn Hữu Th, sinh ngày 19-02-2011 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con Th 1.500.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 02 năm 2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo về việc nuôi con của chị Hoàng Thị Lan H.

[4] Về việc chia tài sản: Chị H kháng cáo yêu cầu xác định và giải quyết chia tài sản chung vợ chồng gồm: Thửa đất số 146 tờ bản đồ số 79-NX tại số nhà 120, tổ dân phố 5, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và số 60 tờ bản đồ số 01-NX tại khu dân cư Đầm Ngọc, tổ dân phố 3, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[4.1] Xét thửa đất số 146 tờ bản đồ số 79-NX tại số nhà 120, tổ dân phố 5, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng: Các đương sự đều thống nhất trình bày tài sản trên do bà Nguyễn Thị L là người nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Đình Ng vào tháng 6-2002, trước thời điểm anh Th kết hôn với chị H.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ xác minh đều thể hiện bà Nguyễn Thị L là người trực tiếp giao dịch, thỏa thuận việc chuyển nhượng, thanh toán trả tiền cho người bán là vợ chồng bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Đình Ng. Chị H và anh Th đều không tham gia và không biết việc mua bán chuyển nhượng này và vào thời điểm trước khi anh Th kết hôn với chị H. Bà Nguyễn Thị L xuất trình và cung cấp lời khai, Giấy biên nhận lập ngày 6-6-2002, tại văn bản này bên chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị L cũng ghi rõ: *"Tôi đã nhận đủ tiền và có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ để làm thủ tục tiếp theo mà con Liên nhờ em trai là Nguyễn Văn Th đứng tên"*. Sau đó, anh Th đã được bà L nhờ đứng tên và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi kết hôn, do anh chị chưa có nơi ở nên bà L đã cho vợ chồng chị H, anh Th ở tại căn nhà cấp 4 trên thửa đất này. Sau khi được bà L cho căn nhà trên thửa đất số 56, vợ chồng chị đã trả lại cho bà L thửa đất số 146. Chị H cho rằng do bà Nguyễn Thị L nhiều lần nói sẽ cho con gái chị thửa đất này nên cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng chị nhưng không có văn bản, tài liệu gì chứng minh, anh Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn A không công nhận điều này. Do đó không có căn cứ xác định thửa đất số 146, tờ bản đồ số

79-NX tại số nhà 120, tổ dân phố 5, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, Hải Phòng là tài sản chung của anh Th và chị H. Vì vậy, việc chị H kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung giữa chị và anh Th đối với thửa đất số 146 là không có căn cứ, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn A yêu cầu chị H và anh Th trả lại tài sản này, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo chia tài sản đối với thửa đất số 146 của chị H, cần giữ nguyên án sơ thẩm, trả lại cho bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Duy A thửa đất nêu trên.

[4.2] Xét thửa đất số 60 tờ bản đồ số 01-NX tại khu dân cư Đầm Ngọc, tổ dân phố 3, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng: Các đương sự thống đều nhất trình bày thửa đất số 60 do bà Nguyễn Thị L nhận chuyển nhượng tháng 10-2013 của của vợ chồng ông Lê Viết H và bà Lê Thị V. Căn cứ lời khai của ông H và bà V thể hiện bà Nguyễn Thị L là người trực tiếp giao dịch và trả tiền mua tài sản trên cho ông bà, ông H đã viết giấy mua bán đất ngày 29-10-2013 có chữ ký của bên bán và bên mua là bà Nguyễn Thị L. Chị H và anh Th đều thừa nhận việc giao dịch mua bán thửa đất số 60, anh chị không tham gia, không trả tiền, nguồn tiền mua đất ở đâu chị H không biết mà chỉ ký vào hợp đồng mua bán để hoàn thiện hồ sơ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị H cho rằng do vợ chồng chị làm thuê cho bà Nguyễn Thị L, bà L không trả công hàng tháng trong khoảng thời gian từ năm 2003 đến cuối năm 2014 nên bà L đã mua tài sản này cho vợ chồng chị như một hình thức trả công thêm một thửa đất này nữa là không có cơ sở thực tế bởi lẽ các đương sự đều thống nhất trình bày trong thời gian làm thuê cho bà Nguyễn Thị L, gia đình chị H và anh Th đã được bà L lo ăn, ở, đóng tiền học cho các con anh chị, mọi chi phí sinh hoạt khác như chi phí khám chữa bệnh cho cả gia đình, học phí khi chị H đi học.…và việc bà L cho tài sản là nhà, đất tại thửa số 56, việc này các bên thống nhất và không có kháng cáo, kháng nghị. Anh Th, chị H, bà L đều xác định việc anh Th và chị H làm việc cho bà L tại bếp ăn khách sạn Bộ Xây dựng từ thời điểm năm 2003 đến 2014. Việc kinh doanh nhà ăn ở khu du lịch biển Đồ Sơn có đặc thù là chia thành hai mùa, mùa hè từ tháng 4 đến tháng 9, mùa đông từ tháng 10 đến tháng 3 nên việc trả lương cho nhân viên làm thuê cũng phải theo mùa. Theo các tài liệu xác minh thể hiện công việc nấu bếp mức lương khoảng 8.000.000 đồng/tháng, nhân viên chạy bàn mức lương 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng /tháng. Thu nhập của anh chị trong thời gian làm thuê cho bà Nguyễn Thị L chỉ đảm bảo chi phí sinh hoạt cho gia đình chứ không thể mua nhà, đất. Mặt khác, bà L đã cho anh chị nhà và thửa đất số 56, còn thửa đất số 60 do bà Nguyễn Thị L nhận chuyển nhượng tháng 10-2013, không thể cho rằng để thanh toán trả công cho cả năm 2014. Như vậy, không có căn cứ cho rằng việc bà L trả công cho chị H và anh Th thêm thửa đất số 60 ngoài nhà, đất tại thửa số 56. Nên việc chị H kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung giữa chị và anh Th đối với thửa đất số 60 là không đúng thực tế, không có căn cứ để chấp nhận. Tài sản trên được xác định là tài sản của vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Duy A và không phải tài sản chung của chị H, anh Th nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo này của chị H.

[4.3] Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Duy A về việc trả lại tài sản là hai thửa đất số 146 và số 60: Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý

yêu cầu độc lập song trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà L và ông A đều trình bày ý kiến xác định đây là tài sản của ông A và bà L và đều có yêu cầu anh Th và chị H phải trả lại hai thửa đất số 146 tờ bản đồ số 79-NX tại số nhà 120, tổ dân phố 5, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 01-NX tại khu dân cư Đầm Ngọc, tổ dân phố 3, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Do đó, để giải quyết đầy đủ, triệt để vụ án, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc anh Th và chị H phải trả lại cho bà L và ông A hai thửa đất nêu trên là có căn cứ và phù hợp với pháp luật, không ảnh hưởng nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của đương sự nên chỉ cần rút kinh nghiệm chung với Tòa án sơ thẩm.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị H và đề nghị của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa về việc yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn là thửa đất số 146 và thửa đất số 60, cần giữ nguyên quyết định về việc chia tài sản của bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[6.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bản án sơ thẩm xác định về án phí ly hôn, cấp dưỡng nuôi con đối với trường hợp các đương sự thuận tình ly hôn và công nhận thỏa thuận của các đương sự nên buộc chị Hoàng Thị Lan H và anh Nguyễn Văn Th mỗi bên phải chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm là chưa đúng. Vì trong vụ án này, chị H có yêu cầu ly hôn, anh Th đồng ý ly hôn song các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên cần căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 sửa lại cho đúng, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần án phí ly hôn, cụ thể, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Th không phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí.

[6.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Mặc dù kháng cáo của chị H không được chấp nhận nhưng do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí thì người kháng cáo là chị H có liên quan đến phần bản án, quyết định phải sửa nên chị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 59, Điều 60, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6, điểm a khoản 7 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị Lan H về việc nuôi con và chia tài sản khi ly hôn. Sửa một phần bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng về án phí dân sự sơ thẩm:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị Lan H và anh Nguyễn Văn Th.

2. Về việc nuôi con chung:

Giao con chung Nguyễn Thu Ph, sinh ngày 19-3-2003 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Hữu Th, sinh ngày 19-02-2011 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con Phương 1.500.000 đồng/tháng; chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con Thành 1.500.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 02 năm 2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

3.1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị Hoàng Thị Lan H về việc chia tài sản chung là thửa đất số 146, tờ bản đồ số 74, địa chỉ tổ Ngọc Sơn (tổ 3 cũ), phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01-NX, địa chỉ tổ dân phố Ngọc Sơn (tổ 5 cũ), phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Buộc anh Nguyễn Văn Th và chị Hoàng Thị Lan H phải có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Duy A:

- Thửa đất số 146, tờ bản đồ số 74, diện tích đất 212,2m$^2$ và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích khoảng 41m$^2$ và các công trình phụ trợ tại tổ Ngọc Sơn (tổ 3 cũ), phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng (Hiện trạng trích đo địa chính thửa đất của Ủy ban nhân dân phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn ngày 06-12-2019, có vị trí: Phía Nam giáp đường Suối Rồng; phía Tây giáp đất của bà Nguyễn Thị Bình; phía Đông giáp đất ông Nguyễn Đình Trường; phía Bắc giáp đất vườn).

- Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01-NX, diện tích đất 100m$^2$ tại tổ dân phố Ngọc Sơn (tổ 3 cũ), phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 589494, số vào sổ cấp GCN: CH00530

do Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn cấp ngày 15-12-2013 mang tên ông Nguyễn Văn Th và bà Hoàng Thị Lan H.

3.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Hoàng Thị Lan H về việc chia tài sản chung là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 01-NX và các tài sản trên đất:

- Giao cho chị H được quyền sở hữu, sử dụng thửa số 56, tờ bản đồ số 01-NX, diện tích đất 100m$^2$ và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 2,5 tầng, diện tích sử dụng khoảng 200m$^2$ và các công trình phụ trợ, tại tổ dân phố Ngọc Sơn (tổ 5 cũ), phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 319347, số vào sổ cấp GCN: CH00067 do Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn cấp ngày 12-8-2010 mang tên ông Nguyễn Văn Th và bà Hoàng Thị Lan H.

- Buộc chị H phải có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản cho anh Nguyễn Văn Th là 850.000.000 (Tám trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

- Chị Hoàng Thị Lan H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; 300.000 đồng án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con; 37.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia không phải là tài sản chung. Tổng cộng, chị H phải nộp án phí sơ thẩm là 38.400.000 (Ba mươi tám triệu bốn trăm nghìn) đồng;

Chị Hoàng Thị Lan H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 29.625.000 đồng chị H đã nộp số tiền theo Biên lai số 0007058 ngày 03-9-2019 và số tiền tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị H đã nộp theo Biên lai số 0009588 ngày 13-02-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị H còn phải nộp số tiền án phí là 8.475.000 (Tám triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

- Anh Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con và 37.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung. Tổng cộng, anh Nguyễn Văn Th phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 37.800.000 (Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn) đồng.

Đối với các quyết định khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận Đồ Sơn, TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Vân Thúy**